

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1134 /UBND-KT

Bình Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2024

V/v tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trong năm 2023, qua công tác quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh đã phát hiện một số điểm, khu vực có một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép. Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân về các biện pháp phân loại, thu gom chất thải theo quy định. Tổ chức thực hiện các phương án thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý triệt để chất thải phát sinh trên địa bàn, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực công cộng, khu dân cư tập trung, khu du lịch văn hóa, khu vui chơi, giải trí và chất thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh khối lượng lớn chất thải.

- UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển tăng cường các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho bà con ngư dân, các khu du lịch, doanh nghiệp hoạt động ven biển về tác hại của việc xả chất thải xuống biển, đặc biệt là rác thải nhựa, nước thải.

- Phê duyệt kế hoạch và tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường hàng năm trên địa bàn; chỉ đạo việc tham gia phối hợp kiểm tra về bảo vệ môi trường theo kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó tập trung các điểm, khu vực thực hiện quan trắc có một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép (*đính kèm phụ lục*).

2. Các sở, ngành có liên quan chủ động triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo chức năng, lĩnh vực ngành; bố trí sắp xếp lực lượng tiếp nhận, xử lý thông tin kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp xử lý khi có các dấu hiệu ô nhiễm hoặc sự cố môi trường xảy ra.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2024 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 13/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch kiểm tra về bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, kiểm tra đột xuất theo thẩm quyền và tổ chức kiểm tra theo quy định tại Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó tập trung dự án, cơ sở có phát sinh nước thải, khí thải, mùi có nguy cơ, dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các dự án, cơ sở thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, vận hành các công trình xử lý chất thải để đảm bảo các chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Duy trì và thực hiện các điểm, trạm quan trắc môi trường theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Về bố trí kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị quan trắc nhằm từng bước tăng cường năng lực hoạt động quan trắc môi trường, dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường trong thời gian đến: Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan trước khi tham mưu, đề xuất UBND tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Đảng);
- Lưu: VT, KT.Vương.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Đăng**

## PHỤ LỤC

### Các điểm, khu vực thực hiện quan trắc môi trường năm 2023 có một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép

(Kèm theo Công văn số 1134 /UBND-KT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**Bảng 1: Môi trường nước mặt**

TT	Mô tả vị trí	Toạ độ VN2000 (múi 3°, KT 108,5°)		Chỉ tiêu vượt quy chuẩn	Đánh giá nguyên nhân sơ bộ
		X (m)	Y (m)		
1	Hồ Suối Đá, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc	1.230.335	464.467	COD, BOD <sub>5</sub> , TSS	Thời điểm lấy mẫu mùa mưa, nước chảy mạnh, đồng thời bị ảnh hưởng từ sinh hoạt của người dân sống xung quanh
2	Sông La Ngà, hồ chứa nhà máy thủy điện Hàm Thuận, huyện Hàm Thuận Bắc	1.251.035	434.880	BOD <sub>5</sub> ;COD;TSS	Có nhiều bè của người dân sinh sống
3	Hồ Bà Trắng, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	1.223.053	491.197	COD, BOD <sub>5</sub> , TSS	Thời điểm lấy mẫu mùa mưa, nước chảy mạnh, đồng thời bị ảnh hưởng từ sinh hoạt của người dân sống xung quanh
4	Sông Lũy trước khi đổ ra biển, xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình	1.235.797	506.256	BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ,NH <sub>4</sub> <sup>-</sup> ,Cl <sup>-</sup>	Vị trí này có nhiều thuyền bè neo đậu, có chế biến thủy hải sản và tiếp giáp biển
5	Hồ Núi Đất, xã Tân Tiến, thị xã La Gi	1.187.022	424.680	COD, BOD <sub>5</sub> , TSS	Thời điểm lấy mẫu mùa mưa, nước chảy mạnh, đồng thời bị ảnh hưởng từ sinh hoạt của người dân sống xung quanh
6	Đập Đá Dựng, phường Tân Bình, thị xã La Gi	1.181.925	419.176	COD, BOD <sub>5</sub> , TSS	Thời điểm lấy mẫu mùa mưa, nước chảy mạnh, đồng thời bị ảnh hưởng từ sinh hoạt của người dân sống xung quanh
7	Sông Dinh cầu Tân Lý, Thị xã LaGi	1.178.453	420.863	BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ,NH <sub>4</sub> <sup>-</sup> ,Cl <sup>-</sup>	Vị trí này có nhiều thuyền bè neo đậu, có chế biến thủy hải sản và tiếp giáp biển
8	Sông Phan tại cầu Quang, huyện Hàm Thuận Nam	1.187.841	431.377	BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ,NH <sub>4</sub> <sup>-</sup> ,Cl <sup>-</sup>	Vị trí này có nhiều thuyền bè neo đậu, có chế biến thủy hải sản và tiếp giáp biển
9	Sông Cà Ty tại cầu Lê Hồng Phong, thành phố Phan	1.208.554	455.963	BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ,NH <sub>4</sub> <sup>-</sup> ,Cl <sup>-</sup>	Vị trí này có nhiều thuyền bè neo đậu, có chế biến thủy hải sản và tiếp giáp

	Thiết				biển
10	Sông Cái hạ nguồn Phú Hải, thành phố Phan Thiết	1.209.901	460.360	BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ,NH <sub>4</sub> <sup>-</sup> ,Cl <sup>-</sup>	Vị trí này có nhiều thuyền bè neo đậu, có chế biến thủy hải sản và tiếp giáp biển.
11	Nước mặt cầu Hùng Vương, thành phố Phan Thiết	1.209.592	459.203	BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ,NH <sub>4</sub> <sup>-</sup> ,Cl <sup>-</sup>	Vị trí này có nhiều thuyền bè neo đậu, có chế biến thủy hải sản và tiếp giáp biển
12	Hồ Biển Lạc, xã Gia An, huyện Tân Linh	1.232.057	400.462	BOD <sub>5</sub> ;COD;TSS	Bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản
13	Sông La Ngà, vị trí Suối Cát, chảy qua khu dân cư Lạc Tánh, huyện Tân Linh	1.223.955	411.213	BOD <sub>5</sub> ;COD;TSS	Bị ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt từ khu dân cư hai bên bờ
14	Hồ chứa tại đập dâng Tà Pao, xã Đông Kho, huyện Tân Linh	1.230.684	417.559	COD, BOD <sub>5</sub> , TSS	Thời điểm lấy mẫu mùa mưa, nước chảy mạnh, đồng thời bị ảnh hưởng từ sinh hoạt của người dân sống xung quanh
15	Vị trí sông La Ngà, tỉnh lộ 713, huyện Đức Linh	1.238.583	401.728	BOD <sub>5</sub> ;COD;TSS	Bị ảnh hưởng từ hoạt động nông nghiệp 2 bên bờ sông

**Bảng 2: Môi trường nước dưới đất**

TT	Mô tả vị trí	Toạ độ VN2000 (múi 3°, KT 108,5°)		Chỉ tiêu vượt quy chuẩn	Đánh giá nguyên nhân sơ bộ
		X (m)	Y (m)		
1	Khu du lịch bãi sau Mũi Né, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết	1.207.199	477.835	TDS, Cl <sup>-</sup> , Coliform.	Do vị trí quan trắc gần biển nên nước bị nhiễm mặn, một phần do ảnh hưởng từ rác thải sinh hoạt của người dân sinh sống xung quanh.
2	Cụm chế biến hải sản Mũi Né, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết	1.209.529	475.928	TDS, Cl <sup>-</sup> ,Coliform.	Là nơi có nhiều cơ sở chế biến hải sản, đồng thời không thường xuyên cải tạo, vệ sinh giếng gây ảnh hưởng đến chất lượng nước dưới đất.
3	Vùng chuyên canh cây ăn quả thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc	1.207.199	477.835	TDS, Cl <sup>-</sup> , Coliform.	Vị trí quan trắc là giếng nhà dân, việc bảo quản, vệ sinh giếng chưa tốt, thiếu ổn định.

**Bảng 3: Môi trường không khí**

TT	Mô tả vị trí	Toạ độ VN2000 (múi 3°, KT 108,5°)		Chỉ tiêu vượt quy chuẩn	Đánh giá nguyên nhân sơ bộ
		X (m)	Y (m)		
1	Cảng cá Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong	1.235.126	506.772	Độ ồn; NH <sub>3</sub>	Là nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến hải sản, neo đậu của nhiều tàu thuyền
2	Khu vực cụm CBHS Phú Lạc, huyện Tuy Phong	1.241.212	522.602	NH <sub>3</sub>	Là nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến hải sản, neo đậu của nhiều tàu thuyền
3	Cảng cá La Gi, thị xã La Gi	1178038	420407	NH <sub>3</sub>	Là nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến hải sản, neo đậu của nhiều tàu thuyền
4	Khu vực CBHS Nam Cảng, thành phố Phan Thiết	1.209.028	460.524	NH <sub>3</sub>	Là nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến hải sản, neo đậu của nhiều tàu thuyền
5	Cảng cá Phan Thiết, thành phố Phan Thiết	1.207.777	456.645	Độ ồn; NH <sub>3</sub>	Là nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến hải sản, neo đậu của nhiều tàu thuyền
6	Khu vực cụm CBHS Phú Hải, thành phố Phan Thiết	1.209.507	460.524	Độ ồn; NH <sub>3</sub>	Là nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến hải sản, neo đậu của nhiều tàu thuyền